

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM Ở KHỐI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRẦN HOÀI THANH\*

### TÓM TẮT

*Hiện nay, cách thức triển khai cũng như đánh giá thực tập sư phạm (TTSP) còn mang nặng tính hình thức, chưa phản ánh đúng thực chất năng lực tay nghề của giáo sinh. Chất lượng công tác đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của sinh viên (SV) sư phạm. Trên cơ sở phân tích hiện trạng đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) cho SV sư phạm, bài báo đã đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và RLNVSP.*

**Từ khóa:** rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, đào tạo.

### ABSTRACT

#### *Some solutions to ensuring the quality of pedagogical practicum in universities of education*

*The implementation and evaluation of pedagogical practicum nowadays are still formalistic and fail to reflect the actual professional competence of student-teachers. The quality of pedagogical professional training influences the educational quality of pedagogical students. Based on the analysis of the reality of pedagogical professional training for pedagogical students, the article suggests some solutions to enhancing the quality of pedagogical professional training.*

**Keywords:** pedagogical professional training, training.

### 1. Đặt vấn đề

Thực hành NVSP là học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo giáo viên của các trường đại học sư phạm (ĐHSP). Đây là học phần tạo nên tính đặc thù của trường ĐHSP. Các trường đại học khác chủ yếu trang bị tri thức khoa học, trường ĐHSP ngoài kiến thức khoa học còn phải trang bị kiến thức khoa học giáo dục cho SV. Công tác thực hành NVSP được tổ chức thực hiện nhằm mục đích giúp SV hiểu được tình hình

giáo dục ở phổ thông, tích lũy những kinh nghiệm giáo dục, kinh nghiệm giảng dạy để làm hành trang hội nhập với cơ sở giáo dục khi tốt nghiệp và nhận nhiệm vụ ở trường phổ thông.

Trong những năm qua các trường ĐHSP đã có nhiều thay đổi về hình thức tổ chức, biện pháp thực hiện nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác thực hành NVSP. SV sư phạm khi nhận công tác tại các trường phổ thông năng lực sư phạm còn hạn chế nên các trường phổ

\* HVCH, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội; Email: doantruongbuithixuan@gmail.com

thông phải dành từ 6 tháng đến 1 năm để SV tập sự.

Để thực hiện Nghị quyết 29 của Bộ Chính trị khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo và Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015 với yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực người học hướng tới phát triển các năng lực chung mà mọi học sinh cần có trong cuộc sống, đồng thời phát triển các năng lực chuyên biệt liên quan đến từng lĩnh vực giáo dục, môn học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, công tác thực hành NVSP phải được đầu tư thích đáng về thời gian, cơ sở vật chất và nội dung hoạt động, kiến thức khoa học sư phạm để đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục và khẳng định năng lực nghề nghiệp sư phạm cho SV.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Về hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong trường đại học sư phạm**

Trường ĐHSP là cơ sở đào tạo giáo viên, là nơi cung cấp nguồn nhân lực - người dạy học cho các trường phổ thông. Nói cách khác, trường sư phạm là nơi “tạo ra sản phẩm”, còn các trường phổ thông là “khách hàng tiêu thụ sản phẩm”. Thế nhưng, nơi đào tạo đã chưa quan tâm thực sự đến “đơn đặt hàng” của khách hàng, đã cho “ra lò” những sản phẩm được đánh giá là “giàu tri thức chuyên môn, nghèo kỹ năng sư phạm”, trong khi chính NVSP sẽ quyết định tay nghề giáo viên, làm nên bản lĩnh giáo viên. Thiếu NVSP, giáo viên không thể thực hiện tốt

hoạt động dạy học của mình.

Chương trình đào tạo giáo viên trong các trường ĐHSP hiện nay thiên về trang bị lí luận, xem nhẹ và thiếu biện pháp rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

Thời lượng dành cho các công tác này còn hạn chế, SV được về cơ sở thực tập giáo dục tổng cộng 10 tuần chia làm 02 đợt thực tế chỉ còn 06 tuần SV thực hiện nhiệm vụ RLNVSP và TTSP, do đó tình cảm nghề nghiệp, kinh nghiệm được tích lũy chưa nhiều.

Phân tích *Chương trình khung giáo dục đại học* được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 28/2006/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2006 cho thấy: Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo (trình độ đại học) ngành sư phạm theo thiết kế gồm 210 đơn vị học trình (đvht) (1,5 đvht tương đương 1 tín chỉ (TC)), chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết) với thời gian đào tạo 4 năm. TTSP là một phần độc lập, thiết yếu (bắt buộc) chiếm 10 đvht - chiếm 4,76% khối lượng học tập của chương trình đào tạo giáo viên (ĐTGV).

Trong chương trình đào tạo theo hệ thống TC hiện nay của các cơ sở ĐTGV cho thấy tổng số TC của toàn bộ khóa học phổ biến trong khoảng 130-132, trong đó thời lượng cụ thể dành cho TTSP và kiến tập sư phạm (KTSP) như sau:

Bảng. TTSP trong chương trình ĐTGV ở VN

TT	Tên trường	Tổng số TC	Số TC KTSP và TTSP		KTSP	TTSP	
			Số TC	Tỉ lệ%		TT SP1	TT SP2
1	ĐHSP Hà Nội	130	7	5.38	Không	Không	6 TC
2	ĐHSP TPHCM	132-138	6	4.35-4.55	1TC	2 TC	4 TC
3	ĐHSP Huế	134	6	4.47	1 TC	5 TC	
4	ĐHSP Vinh	9	5		Không	Không	5 TC
5	ĐH Cần Thơ	120	6	5	1 TC		5 TC
6	ĐHSP Thái Nguyên	132	5	3.79	Không	2 TC	3 TC
7	ĐH Tây Nguyên	132	7	5.30	2 TC	5 TC	

Nguồn: [1]

Như vậy, khối lượng học phần TTSP trong chương trình đào tạo giáo viên ở các cơ sở đào tạo nêu trên có sự khác nhau đáng kể, thấp nhất là 3,79% (Trường ĐHSP, Đại học Thái Nguyên) và cao nhất là 5,38% (ĐHSP Hà Nội). [1]

- Nhiệm vụ đào tạo RLNVSP chưa được quán triệt đầy đủ với tất cả giảng viên của trường, dẫn đến tình trạng xem công tác này là nhiệm vụ của tổ bộ môn phương pháp giảng dạy.

- Phòng đào tạo (đơn vị chủ trì tổ chức triển khai), khoa tâm lý giáo dục (đơn vị chủ lực nghiên cứu đào tạo và triển khai khoa học sư phạm), trường trung học thực hành (cơ sở ứng dụng và triển khai RLNVSP cho SV), các khoa và các tổ bộ môn chưa có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong công tác trang bị tri thức, kinh nghiệm khoa học giáo dục cho SV có tâm lý xem công tác này là

nhiệm vụ riêng của phòng đào tạo và của trường sư phạm.

Thực hành NVSP ở các trường ĐHSP bao gồm nhiều hoạt động từ việc trang bị kiến thức khoa học giáo dục như tâm lý học, giáo dục học, phương pháp giảng dạy bộ môn... cho đến việc tổ chức RLNVSP, TTSP cho SV. Các hoạt động liên quan đến thực hành NVSP thường được thực hiện tập trung ở học kỳ 5 đến học kỳ 8 của quá trình đào tạo, chủ yếu là các hoạt động RLNVSP và TTSP. Trước khi tổ chức các hoạt động RLNVSP và TTSP, các trường có tổ chức nhiều hoạt động như tổ chức hội giảng, mời báo cáo viên phổ thông đến báo cáo kinh nghiệm, thi soạn giảng giáo án điện tử, làm đồ dùng giảng dạy... nên kết quả các đợt RLNVSP và TTSP của SV khá quan hơn: 90% đạt loại khá giỏi.

Tuy vậy, thực chất năng lực nghề nghiệp của SV còn thấp so với chuẩn

giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đòi hỏi của ngành trong tương lai. Qua tìm hiểu và khảo sát, chúng tôi nhận thấy: Trường phổ thông và các cơ sở giáo dục nơi trường ĐHSP đưa SV đến RLNVSP và TTSP chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm và yêu cầu của công tác thực hành NVSP. Trong quá trình tổ chức thực hiện, không tránh khỏi việc “nuơng nhẹ” khi đánh giá SV.

## **2.2. Một số nguyên nhân của những bất cập trên**

### *2.2.1. Nguyên nhân khách quan*

- Một số trường cao đẳng sư phạm được nâng cấp thành trường đại học đa ngành, một số trường đại học khoa học kỹ thuật cũng được phép đào tạo giáo viên nhưng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nhất là đội ngũ giảng dạy NVSP, còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

- Cơ sở vật chất còn thiếu: Phòng RLNVSP chưa đảm bảo tiêu chuẩn (diện tích nhỏ, thiếu ánh sáng, thiếu trang thiết bị...); SV không có điều kiện thường xuyên thực hành ở trường phổ thông, SV còn phải tập giảng ngay tại phòng ở, thậm chí là hành lang kí túc xá.

- Chương trình RLNVSP thường xuyên bị cắt giảm, thời gian thực hành ít, SV quá đông nên không thể tổ chức đều cho tất cả, nhiều SV chưa được tham gia thực hành các kỹ năng NVSP.

- Vị trí yêu cầu của bộ môn phương pháp dạy học còn bị xem nhẹ.

- Nhiều trường chưa tổ chức công tác

thực hành sư phạm thường xuyên liên tục trong quá trình đào tạo giáo viên.

### *2.2.2. Nguyên nhân chủ quan*

- Chương trình học các học phần NVSP còn quá nặng về lý thuyết.

- Khâu kiểm tra, đánh giá SV còn lỏng lẻo.

- Chưa chú trọng vào các kỹ năng giáo dục.

- Việc rèn luyện chưa đồng bộ, nhiều SV không tham gia hoặc tham gia đối phó.

- Một số giảng viên chưa tích cực, chưa tạo được sự hấp dẫn của môn học để thu hút SV, chưa nhiều kinh nghiệm về thực tiễn dạy học ở trường phổ thông để xử lý các tình huống sư phạm.

- SV chưa tích cực, tự giác trong RLNVSP, chủ yếu mới tập trung ở một số em khá, giỏi.

Thực trạng tổ chức hoạt động TTSP của SV ở một số trường ĐHSP được khảo sát theo các khâu của quá trình tổ chức với 4 mức độ thực hiện: *Tốt/ Khá/ Trung bình/ Yếu*. Kết quả thống kê được quy ước theo thang điểm ứng với 4 mức độ là *Tốt - điểm 4; Khá - điểm 3; Trung bình - điểm 2; Yếu - điểm 1*. Điểm trung bình (ĐTB) được quy định theo biên liên tục: *1,0 – 1,75: Yếu; 1,76 – 2,5: Trung bình; 2,51 – 3,25: Khá; 3,26 – 4,00: Tốt*. Kết quả khảo sát, đánh giá mức độ thực hiện các khâu tổ chức TTSP của SV ngành sư phạm được trình bày ở bảng 2 và bảng 3 dưới đây:

**Bảng 2. Mức độ thực hiện công tác chuẩn bị TTSP**

STT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện		
		CBOL	GV	SV
1	Xây dựng kế hoạch TTSP của SV theo chức năng của khoa, trường, phòng, ban...	3,67	3,97	3,63
2	Lập Ban chỉ đạo TTSP của trường ĐHSP	3,64	3,85	3,39
3	Trường chuẩn bị địa bàn thực tập: bố trí, liên hệ với trường thực tập	3,7	3,88	3,53
4	Lập các đoàn TTSP của SV	3,44	3,72	3,4
5	Lựa chọn và cử cán bộ phụ trách, giảng viên tư vấn, hướng dẫn SV TTSP	3,35	3,62	3,33
6	Quy định/chuẩn bị tài liệu hướng dẫn TTSP cho giảng viên, giáo viên, trường thực tập, các đoàn thực tập	3,31	3,61	3,26
7	Quy định/chuẩn bị tài liệu hướng dẫn TTSP cho SV	3,46	3,67	3,46
8	Chuẩn bị các loại hồ sơ, biểu mẫu cho TTSP	3,35	3,75	3,68
9	Chuẩn bị kế hoạch kinh phí, các định mức chi cho TTSP	3,46	3,8	3,55
10	Tập huấn, phổ biến quy chế TTSP cho giảng viên, GV, SV	3,6	3,81	3,55
11	Chuyên giao hồ sơ TTSP cho các trường thực tập	3,54	3,81	3,42
12	Lập ban chỉ đạo TTSP tại các trường thực tập	3,5	3,77	3,47
	ĐTB chung	3,28	3,55	2,97

**Bảng 3. Mức độ thực hiện các điều kiện hỗ trợ TTSP**

STT	Nội dung	ĐTB mức độ thực hiện		
		CBOL	GV	SV
1	Tạo điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên, giáo viên, nhân viên cho TTSP	3,32	3,68	3,13
2	Tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho TTSP	3,26	3,67	3,28
3	Tạo điều kiện về trang thiết bị chuyên dụng phục vụ TTSP	3,23	3,46	3,20
4	Kinh phí phục vụ TTSP	3,14	3,45	3,19
5	Theo dõi, giám sát, động viên, hỗ trợ, đảm bảo các quyền lợi của SV trong quá trình TTSP	3,26	3,55	3,01
	<b>ĐTB chung</b>	<b>3,24</b>	<b>3,56</b>	<b>3,16</b>

### **3. Một số giải pháp để góp phần đảm bảo chất lượng nghiệp vụ sư phạm trong trường đại học sư phạm**

Hội nghị TW8 khóa XI vừa ban hành Nghị quyết TW8 về đổi mới căn bản toàn diện ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế đã đặt ra nhiệm vụ mới trong quá trình đào tạo giáo viên. Giáo viên không chỉ là người truyền thụ tri thức tinh hoa cho học sinh mà phải là người hướng dẫn học sinh tự đào tạo, rèn luyện, phát huy sáng tạo của mình để phục vụ xã hội... Giáo viên cũng là yếu tố căn bản để biến Nghị quyết của Đảng thành hiện thực. Do vậy công tác RLNVSP, TTSP của trường sư phạm cũng cần có sự đổi mới để phù hợp với quy chế đào tạo theo hệ thống TC, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành. Từ thực tiễn, chúng tôi đề xuất những giải pháp như sau:

- Để đào tạo được đội ngũ giáo viên đủ năng lực theo chuẩn nghề nghiệp cần tăng thời lượng thực hành ở cơ sở đào tạo cho SV theo quy định ít nhất bằng 1/8 tổng số TC của chương trình đào tạo. Trường sẽ ban hành Quy chế TTSP để chỉ đạo công tác này.

- Thay đổi phương thức tổ chức của rèn luyện nghiệp vụ và TTSP theo hướng đa dạng, linh hoạt để SV chủ động kế hoạch học tập với phương châm tăng cường việc rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm từ thực tế phổ thông.

- Giảng viên ở các khoa, tổ bộ môn trong trường sư phạm phải xác định việc đào tạo rèn luyện kỹ năng NVSP là nhiệm

vụ của mỗi giảng viên. Nhiệm vụ này phải được thực hiện thường xuyên ở từng bài giảng, từng giờ lên lớp.

- Phòng đào tạo, khoa tâm lý giáo dục, trường THPT, tổ phương pháp giảng dạy và các khoa phải phối hợp chặt chẽ hơn trong việc đào tạo và RLNVSP cho SV, tiến tới thành lập trung tâm RLNVSP khi có đủ điều kiện.

- Các khoa, tổ bộ môn trong trường phải tổ chức cho giảng viên về các trường phổ thông, trường mầm non dự giờ, tìm hiểu chương trình, nội dung giảng dạy để cập nhật chương trình đào tạo cho SV. Các trường sư phạm cần phối hợp chặt chẽ với sở giáo dục và đào tạo và các địa phương khác để hình thành cơ sở thực hành RLNVSP cho SV.

- Tranh thủ các nguồn lực tài chính và bố trí cân đối nguồn tài chính để tăng cường cơ sở vật chất cho công tác RLNVSP, TTSP. Đặc biệt quan tâm đến chế độ bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên ở trường phổ thông, mầm non hướng dẫn SV RLNVSP, TTSP.

- Việc tổng kết rút kinh nghiệm cần làm thường xuyên linh hoạt để điều chỉnh, bổ sung những yêu cầu, nội dung cần thiết để công tác RLNVSP, TTSP có hiệu quả tốt hơn.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có quy định cụ thể về thực hành NVSP và chỉ đạo các sở giáo dục đào tạo cũng như giáo viên của ngành phải xem công tác thực hành NVSP của các cơ sở đào tạo giáo viên là công tác thường xuyên hàng năm, là một trong những tiêu chí xét thi đua nâng bậc lương của giáo viên.

### 3. Kết luận

Vấn đề nâng cao chất lượng NVSP cho SV các trường ĐHSP là một vấn đề lớn, đòi hỏi sự nỗ lực tổng hợp của các nhà quản lí, các nhà khoa học, các giảng viên trực tiếp đứng lớp, đặc biệt đòi hỏi sự nỗ lực tự thân của SV. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung đề cập vấn đề góp phần nâng cao chất lượng RLNVSP cho SV. Thiết nghĩ, nếu các biện pháp này được triển khai và thực hiện tốt, chắc chắn sẽ góp phần không nhỏ trong việc

thực hiện thành công nhiệm vụ lớn: Đào tạo SV sư phạm trở thành những giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có tri thức sư phạm, kĩ năng sư phạm phong phú, có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong giảng dạy cũng như trong việc xử lí các tình huống giáo dục. Giáo viên được đào tạo với “chất lượng” như vậy sẽ là một nguồn lực mạnh, góp phần không nhỏ đưa sự nghiệp giáo dục nước nhà sớm hội nhập với khu vực và quốc tế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình khung giáo dục đại học (ban hành theo Thông tư số 28/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-GDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông*.
4. Võ Xuân Đàn (2006), *Giáo dục đại học – một góc nhìn*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.265.
5. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2007), *Quy chế thực tập sư phạm (ban hành kèm theo quyết định số 1146/QĐ-ĐHSP-ĐT, ngày 27/11/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TPHCM)*.
6. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Đại học Cần Thơ (2011), *Quy chế thực tập sư phạm*.
7. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 1830/QĐ-ĐHSP, ngày 30/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TPHCM)*.
8. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Quy chế thực hành nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên theo học chế tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 45/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TPHCM)*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-9-2015; ngày phản biện đánh giá: 07-10-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 24-11-2015)